

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM - ST
Ngày: 12-8-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: (không có).

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V.

Địa chỉ trụ sở chính: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1979.

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án:

Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1976

Chức vụ: Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V.

Địa chỉ HKTT: số xxx, đường L, khu phố xx, phường L, quận T, thành phố H.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1983 – là đại diện hộ kinh doanh V T (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể số 59B8003130).

Địa chỉ hộ kinh doanh: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay của anh Nguyễn Hoàng V: ấp Ma, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

Địa chỉ HKTT của anh Nguyễn Hoàng V: khu vực x, phường H, thị xã (thành phố) N, tỉnh H.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Hoàng V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V là anh Nguyễn Trọng Vinh có đơn xin vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V – người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trọng Vinh trình bày:

Từ ngày 19/01/2018 đến ngày 24/12/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V (sau đây gọi tắt là Công ty Việt Đức) có tiến hành giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp với anh Nguyễn Hoàng V, chủng loại hàng hóa: phân bón NPK với số lượng cộng chung là 12,5 tấn, thành tiền là 152.350.000 đồng. Hình thức mua bán là giao hàng gói đầu, sau đó mới thanh toán tiền. Tuy nhiên khi không còn giao dịch mua bán nữa thì anh Vũ chỉ thanh toán cho Công ty Việt Đức số tiền 15.000.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay. Hiện anh Vũ còn nợ Công ty Việt Đức số tiền 137.350.000 đồng. Phía Công ty Việt Đức có nhiều lần liên hệ anh Nguyễn Hoàng V để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nêu trên nhưng anh Vũ cứ hẹn lần lữa kéo dài không chịu trả.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V yêu cầu anh Nguyễn Hoàng V phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 137.350.000 đồng và không yêu cầu thêm tiền lãi do chậm thực hiện việc trả nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét thấy, việc nguyên đơn có đơn xin vắng mặt là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Đồng thời, do tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 238 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và các bị đơn.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì, tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: “.... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “ Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên

đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, sau khi bị đơn nhận hàng và kể cả khi các bên không tiến hành giao dịch mua bán nữa, nhưng phía bị đơn không thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán được quy định tại Điều 50 và Điều 55 của Luật thương mại năm 2005, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 137.350.000 đồng là chính đáng, có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả do bị đơn chậm thực hiện việc thanh toán tiền hàng theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 là quyền tự định đoạt của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, khoản 1, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 24, Điều 34, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005, được sửa đổi, bổ sung và Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-VPQH ngày 28/6/2017 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V. Buộc anh Nguyễn Hoàng V chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V số tiền mua hàng hóa là vật tư nông nghiệp còn nợ là **137.350.000 đồng (một trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi đồng).**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.433.000 đồng (ba triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0004068 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Nguyễn Hoàng V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **6.867.500 đồng (sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).**

Án xử công khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên Tòa do có đơn xin vắng mặt. Anh Nguyễn Hoàng V không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy